



CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐÔNG ĐÔ

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 26



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Hoàng Hữu Tâm	Ủy viên
Ông Phan Minh Tâm	Ủy viên
Ông Nguyễn Khánh Trung	Ủy viên
Ông Hoàng Thanh Tùng	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Hữu Tâm	Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Dung	Phó Giám đốc
Ông Phan Minh Tâm	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐÔNG ĐÔ
Tầng 2, Tòa nhà Dolphin Plaza, số 28 Trần Bình,
Phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Hoàng Hữu Tâm
Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

Số: 220 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2019, từ trang 5 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 10 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, số dư khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cho dự án Nhiệt điện Thái Bình 2 và dự án Nhiệt điện Sông Hậu 1 với số tiền lần lượt là 14.818.903.042 VND và 15.527.852.656 VND. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thích hợp để đánh giá liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho các dự án này hay không. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, số dư khoản mục tài sản dài hạn khác trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm giá trị khoản đầu tư góp vốn của Công ty vào dự án Tổ hợp nhà ở kết hợp dịch vụ siêu thị và văn phòng làm việc tại số 28 đường Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội ("Dự án Dolphin Plaza") với tổng giá trị vốn góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 với cùng 1 số tiền là 37.100.539.734 VND. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính kết thúc năm 2018, Dự án Dolphin Plaza chưa bán được hết các căn hộ và quyết toán để phân chia kết quả đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký kết nên Ban Giám đốc chưa đủ cơ sở để đánh giá xem có cần thiết phải trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Dự án Dolphin Plaza này hay không. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến các vấn đề sau đây:

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty có lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 với số tiền là 197.571.560.782 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 177.160.441.229 VND), lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bị âm với số tiền là 18.887.811.389 VND (năm 2017: âm 42.788.303.285 VND). Các điều kiện này, cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2, cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Kế hoạch của Ban Giám đốc Công ty liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm 2017, Công ty đã ghi nhận doanh thu xây lắp đối với hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện với số tiền là 7.866.432.491 VND khi chưa được khách hàng xác nhận giá trị phần công việc đã hoàn thành. Việc ghi nhận như vậy là không tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo đó, trong năm 2018, Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố số liệu so sánh các khoản mục trên báo cáo tài chính liên quan đến nghiệp vụ nêu trên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Vũ Đức Nguyễn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0764-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thanh Hương

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1415-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		212.826.559.673	215.726.391.428
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	5.321.856.791	2.571.949.074
1. Tiền	111		4.184.856.791	2.571.949.074
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.137.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.280.780.000	7.280.780.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6	7.280.780.000	7.280.780.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		82.593.290.665	97.350.271.265
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	43.481.170.595	51.021.985.708
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.134.518.804	8.709.482.573
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	45.821.730.635	45.635.219.454
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(8.844.129.369)	(8.016.416.470)
IV. Hàng tồn kho	140	10	84.474.629.654	75.287.507.109
1. Hàng tồn kho	141		84.474.629.654	75.287.507.109
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		33.156.002.563	33.235.883.980
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		66.751.667	43.418.333
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.835.855.396	6.939.070.147
3. Tài sản ngắn hạn khác	155	11	26.253.395.500	26.253.395.500
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		325.759.737.403	328.409.804.471
I. Tài sản cố định	220		24.374.873.952	25.828.682.989
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	24.374.873.952	25.828.682.989
- Nguyên giá	222		34.272.326.591	34.541.354.457
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.897.452.639)	(8.712.671.468)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	228		140.846.000	140.846.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(140.846.000)	(140.846.000)
II. Bất động sản đầu tư	230	13	12.441.189.855	12.885.372.287
- Nguyên giá	231		14.509.362.096	14.509.362.096
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.068.172.241)	(1.623.989.809)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	14	171.586.901.684	171.586.901.684
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		171.586.901.684	171.586.901.684
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		29.186.233.671	29.545.612.602
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	49.328.000.000	49.328.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6	(20.141.766.329)	(19.782.387.398)
V. Tài sản dài hạn khác	260		88.170.538.241	88.563.234.909
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		116.794.856	509.491.524
2. Tài sản dài hạn khác	268	15	88.053.743.385	88.053.743.385
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		538.586.297.076	544.136.195.899

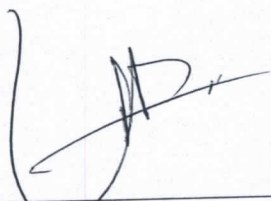
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

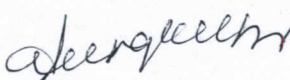
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		212.281.348.075	197.420.127.345
I. Nợ ngắn hạn	310		212.281.348.075	197.420.127.345
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	41.626.763.851	37.469.261.846
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.092.619.858	10.082.459.735
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	99.432.954	80.099.860
4. Phải trả người lao động	314		2.735.570.659	2.134.452.036
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	6.990.684.499	18.431.745.936
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	77.738.396.210	76.994.660.208
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	72.809.634.093	51.723.101.773
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		188.245.951	504.345.951
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		326.304.949.001	346.716.068.554
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	326.304.949.001	346.716.068.554
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền	411a		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.344.727.377	18.344.727.377
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		5.531.782.406	5.531.782.406
4. Lỗ lũy kế	421		(197.571.560.782)	(177.160.441.229)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(177.160.441.229)	(158.245.629.265)
- (Lỗ) năm nay	421b		(20.411.119.553)	(18.914.811.964)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		538.586.297.076	544.136.195.899


Bùi Hồng Thái
Người lập biểu


Trần Trung Kiên
Kế toán trưởng




Hoàng Hữu Tâm
Giám đốc

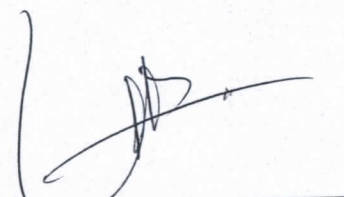
Ngày 28 tháng 3 năm 2019

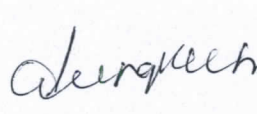
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	81.718.543.728	71.104.837.640
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		81.718.543.728	71.104.837.640
3. Giá vốn hàng bán	11	24	83.299.807.356	64.175.602.337
4. (Lỗ)/lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(1.581.263.628)	6.929.235.303
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		10.186.786	67.102.163
6. Chi phí tài chính	22	26	7.853.780.725	9.261.938.749
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.494.401.794	7.474.297.716
7. Chi phí bán hàng	25	27	581.236.004	1.051.030.461
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	10.973.853.648	13.018.530.571
9. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(20.979.947.219)	(16.335.162.315)
10. Thu nhập khác	31		1.110.002.638	143.593.705
11. Chi phí khác	32		459.274.972	2.658.843.354
12. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		650.727.666	(2.515.249.649)
13. Tổng lỗ kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(20.329.219.553)	(18.850.411.964)
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	28	-	-
15. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(20.329.219.553)	(18.850.411.964)
16. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	29	(407)	(377)


Bùi Hồng Thái
Người lập biểu


Trần Trung Kiên
Kế toán trưởng




Hoàng Hữu Tâm
Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm trước	
		Năm nay	(trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lỗ trước thuế	01	(20.329.219.553)	(18.850.411.964)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.157.991.469	1.923.239.832
Các khoản dự phòng	03	1.187.091.830	2.795.811.562
Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	210.186.786	2.583.678.627
Chi phí lãi vay	06	7.494.401.794	7.474.297.716
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(9.279.547.674)	(4.073.384.227)
Thay đổi các khoản phải thu	09	13.112.108.880	6.193.602.587
Thay đổi hàng tồn kho	10	(9.187.122.545)	(31.524.395.222)
Thay đổi các khoản phải trả	11	5.570.298.310	(11.652.535.643)
Thay đổi chi phí trả trước	12	369.363.334	(260.497.133)
Tiền lãi vay đã trả	14	(19.156.811.694)	(809.393.647)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(316.100.000)	(661.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(18.887.811.389)	(42.788.303.285)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(159.000.000)	(1.010.591.578)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	700.000.000	47.476.860.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận	27	10.186.786	67.102.163
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	551.186.786	46.533.370.585
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	71.360.000.000	17.213.774.073
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(50.273.467.680)	(18.601.352.052)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(4.897.007.955)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	21.086.532.320	(6.284.585.934)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	2.749.907.717	(2.539.518.634)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.571.949.074	5.111.467.708
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	5.321.856.791	2.571.949.074

Bùi Hồng Thái
Người lập biểu

Trần Trung Kiên
Kế toán trưởng

Hoàng Hữu Tâm
Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này